

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 5939 - Ngày in phiếu: 17/08/2017

Cơ quan ban hành: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Số ký hiệu VB: 1796/QĐ-UBND

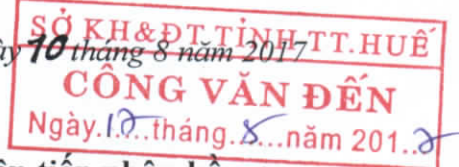
Ngày tháng VB: 10/08/2017

Trích yếu nội dung VB: Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh

Trưởng phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng
<p>k/c akhánh, a Trung VP, ĐKKD, DN TT KTĐN</p>	<p>Phan Thiên Định: Lê Đình Khánh: Nguyễn Quang Cường: Hoàng Việt Trung: <u>Hoàng Việt Trung</u></p>	
Quét lưu:	Quét lưu:	
Hạn xử lý VB:/...../2017	Hạn xử lý văn bản:/...../2017	
Ngày : ..17../8/2017	Ngày :/8/2017	Ngày: .../8/2017

Số: **1796**/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **10** tháng **8** năm **2017**



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 988/TTr-STP ngày 20 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (cấp tỉnh, huyện, xã) thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh, UBND thành phố Huế, các thị xã và các huyện tổ chức niêm yết Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có).

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức niêm yết Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có).

3. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng nội dung theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, Bưu Điện tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải

quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ bưu điện trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg và Quyết định này để cá nhân, tổ chức biết, thực hiện.

Điều 4. Bưu Điện tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và chủ động liên hệ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NV. ✓

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (86 TTHC)	
	Lĩnh vực Thành lập và phát triển doanh nghiệp (67)	
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	
7.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp	
8.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
9.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
10.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp	
11.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	
12.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức)</i>	
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước)</i>	
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế thì công ty đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty)</i>	
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên)</i>	
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp)</i>	
17.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên <i>(Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác)</i>	
18.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp	

	bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
19.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác - <i>Trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế cho nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận đầu tư) mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh</i>	
20.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác - <i>Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp</i>	
21.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh	
22.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
23.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	
24.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
25.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
26.	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
27.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
28.	Thông báo sử dụng con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện	
29.	Thông báo thay đổi con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện.	
30.	Thông báo hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện	
31.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (<i>đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh</i>).	
32.	Thông báo việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài (<i>đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh</i>).	
33.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
34.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng	

	dại diện thay thế cho nội dung đăng ký đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.	
35.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
36.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
37.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
38.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
39.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
40.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	
41.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	
42.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
43.	Bán doanh nghiệp tư nhân	
44.	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	
45.	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	
46.	Thành lập mới công ty được chia là công ty cổ phần	
47.	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	
48.	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	
49.	Thành lập mới công ty được tách là công ty cổ phần	
50.	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
51.	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	

52.	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty cổ phần	
53.	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
54.	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
55.	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty cổ phần	
56.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	
57.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
58.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
59.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH	
60.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
61.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	
62.	Giải thể doanh nghiệp	
63.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	
64.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
65.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
66.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
67.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp.	
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hợp tác xã (19)	
68.	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
69.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
70.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân	
71.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân chia .	
72.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân tách.	
73.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất.	
74.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân sáp nhập	
75.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín	

	dụng nhân dân (khi bị mất).	
76.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (khi bị mất).	
77.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng).	
78.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (khi bị hư hỏng).	
79.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
80.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
81.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
82.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
83.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
84.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
85.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân).	
86.	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân.	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (47 TTHC)	
	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (28)	
1.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	
2.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ	
3.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ	
4.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ	

5.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính (dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận) của tổ chức khoa học và công nghệ	
6.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ	
7.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ	
8.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ	
9.	Cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị mất	
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị rách, nát	
11.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
12.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
13.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	
14.	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
16.	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
17.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
18.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
19.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
20.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh	
21.	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng	

	đại diện, chi nhánh	
22.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị mất	
23.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị rách, nát	
24.	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
25.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
26.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
27.	Thẩm định công nghệ của dự án đầu tư	
28.	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	
	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân (7)	
29.	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
30.	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
31.	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
32.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
33.	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	
34.	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	
35.	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X- quang y tế)	
	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (2)	
36.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	
37.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	
	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (10)	

38.	Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu	
39.	Xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	
40.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận hợp chuẩn độc lập - bên thứ ba)	
41.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh - bên thứ nhất)	
42.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy (trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy- bên thứ ba)	
43.	Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy (trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh - bên thứ nhất)	
44.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ và các chất ăn mòn bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	
45.	Tiếp nhận Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn	
46.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn	
47.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn trong nhập khẩu	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NGOẠI VỤ (03 TTHC)	
	Lĩnh vực Công tác lãnh sự (02)	
1.	Cho phép tổ chức hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Do cơ quan, tổ chức Việt Nam tổ chức)	
2.	Cho phép tổ chức hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Do cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức)	
	Lĩnh vực Hoạt động di trú của công dân Việt Nam ra nước ngoài (01)	
3.	Xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế	
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NỘI VỤ (12 TTHC)	
	Lĩnh vực Công chức, viên chức (01)	
1.	Công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức	
	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế (03)	